TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2019/DS - ST
Ngày: 27 – 11 – 2019
V/v Tranh chấp về chia di sản thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Công Thắng.

2. Bà Trịnh Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Duy Đức, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2019/TLST - DS ngày 12 tháng 7 năm 2019 về "*Tranh chấp về thừa kế tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXXST - DS ngày 07 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Các đồng nguyên đơn:

- Bà Lê Thị Hồng H, sinh năm: 1976. Hộ khẩu thường trú: Đường T, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Hiện trú tại: Đường L, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Có mặt
- Bà Lê Thị Hoài T, sinh năm: 1980. Địa chỉ: phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- Bà Lê Thị Hoài N, sinh năm: 1982. Hộ chiếu số do Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ cấp ngày 30/5/2012. Địa chỉ: MN 55438, Hoa Kỳ. Địa chỉ liên hệ: Đường L, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp của bà N: bà Lê Thị Hồng H, sinh năm: 1976. Hộ khẩu thường trú: Đường T, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng, theo Hợp đồng ủy quyền được Phòng Công chứng T công chứng số 291 ngày 15/01/2019. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Lê Nguyên C, sinh năm: 1972. Hộ khẩu thường trú: Đường T, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Hiện trú tại: Đường N, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- NLQ1, sinh năm 1973, địa chỉ thường trú: phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ liên lạc: đường C, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt
- NLQ2, sinh năm 1978. Địa chỉ thường trú: phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Hiện trú tại: quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt
- NLQ3, sinh năm 1981. Trú tại số đường V, thị trấn L, huyện L, tỉnh B. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện ban đầu đề ngày 01/6/2019, Đơn xin thay đổi, bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện ngày 25/10/2019, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, các đồng bị đơn gồm bà Lê Thị Hồng H, Lê Thị Hoài N, Lê Thị Hoài T thống nhất trình bày:*

Nguyên cha chúng tôi là Lê Minh N (sinh ngày 08/01/1942, chết ngày 26 tháng 10 năm 2017) khi còn sống, có tạo lập được di sản thuộc quyền sở hữu riêng của cha tôi là nhà và đất tại thửa số 351, tờ bản đồ số 68, diện tích 100m^2, đã bị thu hồi 16,9m^2, còn lại 83,1 m^2, địa chỉ đường N phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 077399; số vào sổ cấp GCN: CTs 101236 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/7/2016, đăng ký chỉnh lý biến động tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Ngũ Hành Sơn ngày 04/4/2017, Giấy phép xây dựng số 794/GPXD do UBND quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/4/2017.

Cha chúng tôi có 06 người con chung gồm: Lê Nguyên C, sinh năm 1972, Lê Thị Hoài H, sinh năm 1973, là Lê Thị Hồng H, sinh năm 1976, Lê Minh Nguyên C, sinh năm 1978, Lê Thị Hoài T, sinh năm 1980 và Lê Thị Hoài N, sinh năm 1981 và có 01 người con riêng là Lê Thị Minh N, sinh năm 1981. Sinh thời khi còn sống, tất cả con con của cha đều chia nhau chăm sóc cha, đóng góp công sức cùng quản lý di sản.

Do, cha chúng tôi chết không để lại di chúc, đồng thời các đồng thừa kế không tự thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, nên chúng tôi yêu cầu Tòa án phân chia di sản trên theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Chia di sản thừa kế là nhà và đất tại thửa số 351, tờ bản đồ số 68, diện tích 83,1 m^2, địa chỉ đường N phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 077399; số vào sổ cấp GCN: CTs 101236 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/7/2016, đăng ký chỉnh lý biến động tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Ngũ Hành Sơn ngày 04/4/2017, Giấy phép xây dựng số 794/GPXD do UBND quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/4/2017; thành 07 kỷ phần bằng nhau cho tất cả các đồng thừa kế.
- Bà Lê Thị Hồng H yêu cầu được nhận thừa kế bằng hiện vật là toàn bộ quyền sử dụng diện tích 83,1 m^2 và quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ đường N phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng.
- Bà Lê Thị Hoài T nhận giá trị kỷ phần đồng thời tặng phần kỷ phần thừa kế mà mình được nhận cho bà Lê Thị Hồng H.
- Bà Lê Thị Hoài N nhận giá trị 02 kỷ phần gồm: kỷ phần thừa kế của mình và kỷ phần thừa kế mà NLQ1 được nhận và tặng cho bà. Bà N tặng cho cả 2 kỷ phần được nhận này cho bà Lê Thị Hồng H.
- Bà Lê Thị Hồng H có trách nhiệm thối trả phần giá trị kỷ phần mà ông Lê Nguyên C được nhận.

Đối với phần diện tích đất thu hồi 16,9m^2 đã được Ban Giải phóng mặt bằng quận Ngũ Hành Sơn xác định giá trị đền bù theo hồ sơ số 81-1/BGPMB ngày 25/12/2018 là 202.563.060 đồng. Số tiền này đã được các đồng thừa kế thống nhất phân chia và đã thực hiện xong việc phân chia. Các đồng thừa kế không tranh chấp trong vụ án này.

Các đồng nguyên đơn đồng ý với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án và kết quả thẩm định giá theo Chứng thư thẩm định giá ngày 30/10/2019

của Công ty Cổ phần Thẩm định giá BTCVALUE.

** Bị đơn là ông Lê Nguyên C: Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/10/2019 ông C trình bày:*

Về di sản thuộc sở hữu riêng của ông Lê Minh N và hàng thừa kế thứ nhất thì ông trình bày thống nhất nội dung trình bày của các đồng nguyên đơn. Đối với việc hình thành di sản thì ông có đóng góp phần xây dựng nhà ở là 300.000.000đ. Ông xác định đây tài sản chung của các đồng thừa kế, yêu cầu không chia di sản mà toàn bộ di sản để thờ cúng. Do đó, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và kết quả thẩm định giá thì ông không có ý kiến.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

NLQ2: tại bản tự khai ngày 07/11/2019 NLQ2 trình bày: Về di sản thừa kế thuộc sở hữu riêng của ông Lê Minh N, hàng thừa kế thứ nhất, các đồng thừa kế cùng chăm sóc cha, cùng quản lý di sản thì ông trình bày thống nhất nội dung trình bày của các đồng nguyên đơn. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông hoàn toàn đồng ý. Về phần ông, ông nhận giá trị kỷ phần của mình, đồng thời tặng phần kỷ phần thừa kế mà mình được nhận cho bà Lê Thị Hồng H. Bà Lê Thị Hồng H được nhận thừa kế bằng hiện vật là toàn bộ quyền sử dụng diện tích 83,1 m^2 và quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ đường N phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng và có trách nhiệm thối trả phần giá trị kỷ phần mà ông Lê Nguyên C được nhận.

Ông không đồng ý với trình bày của ông C về việc có đóng góp phần xây dựng nhà ở là 300.000.000đ. Khi bán nhà cũ tại 347 Trần Nhân Tông, tổ 34C, phường Mân Thái, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, người mua đặt cọc 1.000.000.000đ cho cha tôi thì ông Lê Nguyên C dành giựt tại chỗ với cha tôi, chiếm đoạt số tiền này trái ý chí của cha tôi và các đồng thừa kế khác. Sau đó cha tôi buộc phải chấp nhận để ông C giữ tiền để tạo hòa khí trong nhà. Khi mua lại nhà tại đường N phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng thì ông C mới lấy tiền này để đặt cọc. Ngoài ra, khi xây dựng nhà cửa, ông C còn lấy tiền riêng của cha tôi mà tiêu dùng, hoàn toàn không có đóng góp gì. Thực tế, ông C không có công việc ổn định, thu thập rất thấp lại nợ nần nhiều nơi, bản thân ông không có tài sản gì, kể cả chiếc xe máy thông dụng. Đối với yêu cầu để lại di sản thờ cúng của ông C, ông không đồng ý vì thực chất ông C muốn bán toàn bộ nhà đất này.

Ông đồng ý kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và kết quả thẩm định giá. Đồng thời vì điều kiện công tác, ông xin giải quyết, xét xử vắng mặt ông.

NLQ1: Tại Giấy cam kết ngày 04/6/2019 NLQ1 trình bày: Tôi đã nhận của em Lê Thị Hoài N số tiền 346.000.000 đồng. Số tiền này tôi nhận của em Nhi thay cho việc nhận tài sản thừa kế đất và nhà tại 90A Đường N, phường K, quận N, là di sản của cha tôi: Lê Minh N để lại. Phần di sản tôi được hưởng trong nhà và đất nêu trên tôi giao cho em Nhi được hưởng toàn bộ. Tôi hoàn toàn không tranh chấp phần di sản của tôi được hưởng nêu trên. Tôi cam đoan việc tặng cho di sản này là tự nguyện, không bị ai de dọa và ép buộc, xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã trình bày trên. Ngoài ra, NLQ1 vắng mặt tại các buổi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa.

NLQ3: Tại Bản tự khai được UBND Thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xác nhận ngày 01/11/2019, NLQ3 trình bày: Về di sản thừa kế là thuộc sở hữu riêng của ông Lê Minh N, hàng thừa kế thứ nhất, các đồng thừa kế cùng chăm sóc cha, cùng quản lý di sản thì bà trình bày thống nhất nội dung trình bày của các đồng nguyên đơn.

Bà đồng ý chia phân di sản này thành 07 kỷ phần bằng nhau, vì các anh chị em bà ai cũng có công quản lý di sản này. Riêng đối với kỷ phần của bà, bà xin được nhận bằng giá trị và tặng cho lại kỷ phần mà bà được nhận cho bà Lê Thị Hồng H, là người chị có công quản lý di sản, chăm sóc cha nhiều nhất. Bà không đồng ý với yêu cầu của ông Lê Nguyên C về việc không phân chia di sản, vì thực chất ông C muốn bán căn nhà này. Đồng thời, vì điều kiện ở xa nên xin được giải quyết, xét xử vắng mặt bà.

** Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng là đương sự và những người tham gia tố tụng khác: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án hầu hết các đương sự và người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa

vụ của mình. Đối với bị đơn ông C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hương vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73BLTTDS.

2. Về việc giải quyết vụ án:

Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại điều 623 BLDS thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế..". Cụ Ngọc chết ngày 26/10/2017. Ngày 01/06/ 2019, các bà Lê Thị Hồng H, Lê Thị Hoài T, Lê Thị Hoài N là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ngọc khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, di sản là nhà và đất. Như vậy yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

Về di sản thừa kế: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều xác nhận quyền sử dụng đất là tài sản riêng của cụ Ngọc nên có cơ sở xác định đây là di sản thừa kế của cụ Ngọc để lại.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 077399 do Sở tài nguyên và môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 04/7/2016, đã chỉnh lý biến động sang tên cụ Lê Minh N vào ngày 04/04/2017 thì thửa đất 351, tờ bản đồ số 68 có diện tích 100m^2 đất ở đô thị.

Tuy nhiên đến ngày 25/01/2019 UBND quận Ngũ Hành Sơn có thông báo số 156/TB-UBND thu hồi của hộ ông Lê Minh N diện tích đất 16,9m^2 để xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Đình Chiểu nên diện tích đất thực tế còn lại là 83,1m^2; theo chứng thư thẩm định giá số 5190276A/CtBTCVALUEDDN của công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALUE thì giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm tháng 10 năm 2019 có giá trị 2.729.668.389đ.

Đối với ngôi nhà 03 tầng được xây dựng trên đất mặc dù chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu cho cụ Ngọc. Tuy nhiên giấy phép giấy dựng số 794/GPXD ngày 18/4/2017 do cụ Ngọc đứng tên, xây dựng tại thời điểm sau khi cụ Ngọc bán nhà đất ở Sơn Trà và trên diện tích đất thuộc quyền sử dụng của cụ Ngọc nên xác định ngôi nhà cũng là di sản thừa kế của cụ Ngọc, theo kết quả định giá nhà có giá trị 789.715.000đ.

- Đối với diện tích đất bị thu hồi 16,9m^2 và cây cối hoa màu trên đất có giá trị đền bù 202.563.060đ. Các đồng nguyên đơn không yêu cầu giải quyết và xác nhận các đồng thừa kế đã tự phân, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là NLQ2 thống nhất, NLQ3, NLQ1, ông C không có ý kiến tranh chấp, đồng thời tại (BL 169) đã thể hiện các đương sự tự phân chia và nhận số tiền này nên không xem xét giải quyết.

Riêng bị đơn ông C khai nại khi mua đất ông có đưa cho cụ Ngọc số tiền 01 tỷ đồng, còn khi làm nhà ông đưa 300 triệu đồng (khi đưa có NLQ1 chứng kiến). Tuy nhiên ông C không cung cấp được chứng cứ chứng minh, còn NLQ1 không có lời khai, những người thừa kế khác không thừa nhận nên không có cơ sở chấp nhận lời khai nại của ông C về nội dung này.

Như vậy di sản cụ Ngọc mà nguyên đơn yêu cầu chia là quyền sử dụng đất và ngôi nhà trên đất có tổng giá trị là 3.517.033.389đ

Về hàng thừa kế: Cụ Ngọc và cụ Sơn 06 người con gồm ông C, NLQ1, Lê Thị Hồng H, NLQ2, bà T, bà N. Ngoài ra cụ Ngọc còn có người con riêng là NLQ3. Cha mẹ đẻ của cụ Ngọc là cụ Lê Văn Ngọ chết năm 2004 và cụ Huỳnh Thị Tỵ chết năm 1999; cụ Huỳnh Thị Sơn (vợ cụ Ngọc) chết năm 2010 đều chết trước cụ Ngọc. Ngoài ra cụ Ngọc không có cha mẹ nuôi, con nuôi nào khác. Cụ Ngọc chết không để lại di chúc.

Theo quy định tại Điều 613, Điều 649, Điều 650, Điều 651 BLDS năm 2015, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ngọc gồm: ông Lê Nguyên C, NLQ1, bà Lê Thị Hồng H, NLQ2, bà Lê Thị Hoài T, bà Lê Thị Hoài N và NLQ3.

Phân chia di sản:

Tại hồ sơ thể hiện cùng ngày 23/01/2019 NLQ2 và bà T lập văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của cụ Ngọc là một phần quyền sử dụng đất mà ông, bà được hưởng trong thửa đất số 351, tờ bản đồ số 68, tổ 13, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 077399 do Sở TN và Môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 04/7/2016 (di sản của cụ Ngọc) được văn phòng công chứng Thái Thu Hà chứng nhận. Tuy nhiên sau khi lập văn bản từ chối NLQ2, NLQ1 không gửi cho những người thừa kế khác. Do vậy theo quy định tại Điều 620 BLDS việc từ chối này không có hiệu lực pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, NLQ2, bà T thay đổi ý kiến tự nguyện giao kỷ phần thừa kế mà mình được hưởng cho bà N, sau đó thay đổi là cho Lê Thị Hồng H (tại BL:39, 63 76; 254-256) là phù hợp và không trái pháp luật nên cần chấp nhận.

* Như vậy tổng giá trị nhà, đất là 3.517.033.389đ, được chia 07 kỷ phần gồm: ông C, NLQ1, Lê Thị Hồng H, NLQ2, bà T, bà N và bà Nhật. *Mỗi kỷ phần là 502.433.341đ.*

+ NLQ1 tặng cho bà N kỷ phần mà mình được hưởng.

+ NLQ2, bà T, bà N và NLQ3 tặng cho kỷ phần của mình được hưởng cho Lê Thị Hồng H.

Do đó, Lê Thị Hồng H được nhận các kỷ phần của NLQ1, NLQ2, bà T, bà N và NLQ3.

Về nhận di sản là hiện vật: Lê Thị Hồng H yêu cầu nhận di sản là hiện vật, các đồng thừa kế khác đều tặng cho kỷ phần mà họ được nhận cho Lê Thị Hồng H (trừ ông C), ông C muốn để lại nhà đất làm nơi thờ cúng. Tuy nhiên thấy rằng nhà đất không thể phân chia thành 02 phần, trong khi đó kỷ phần Lê Thị Hồng H được nhận tính theo diện tích đất là 71,22 m^2, chiếm 86 %, ông C chỉ được nhận 01 kỷ phần chiếm 14% và không chứng minh được khả năng thối trả. Do vậy cần giao toàn bộ nhà đất cho Lê Thị Hồng H sở hữu, sử dụng, đồng thời có trách nhiệm thối trả kỷ phần ông C được hưởng bằng giá trị là phù hợp.

Về xem xét công sức đối với di sản: Mặc dù ông C không cung cấp được chứng cứ chứng minh khi cụ Ngọc mua đất ông đóng góp 01 tỷ đồng, khi làm nhà ông đóng góp 300.000.000đ. Tuy nhiên thấy rằng trong 07 người con thì ông là người ở cùng cụ Ngọc nhiều nhất. Tại thời điểm mua đất (năm 2016) và xây dựng ngôi nhà (di sản thừa kế) vào tháng 4, tháng 5 năm 2017 thì cụ Ngọc đã già yếu, bệnh tật (*đã 75 tuổi- cụ Ngọc qua đời tháng 10 năm 2017 do bệnh*) thì việc ông khai nại là người đứng ra thực hiện giao dịch mua bán, làm nhà giúp cho cụ Ngọc là có cơ sở, đồng thời tại phiên tòa Lê Thị Hồng H, bà T cũng đồng ý chấp nhận trích công sức cho ông Thương 5% giá trị di sản. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử trích 5% giá trị di sản cho ông C trước khi chia.

Án phí và chi phí tố tụng khác các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ án "*Tranh chấp về thừa kế tài sản"* có yếu tố nước ngoài do trong các đồng nguyên đơn có bà Lê Thị Hoài N đang cư trú tại: 10476 Colorado Cir Minneapolis, MN 55438, Hoa Kỳ. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng có thẩm quyền xét xử sơ thẩm đối với tranh chấp này, theo quy định tại khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo Trích lục khai tử số 04/TLKT – BS do UBND phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/1/2019, ông Lê Minh N chết ngày 22/11/2017. Như vậy, thời điểm mở thừa kế đối với di sản của ông Lê Minh N sau thời điểm Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật (từ ngày 01 tháng 01 năm 2017), Tòa án áp dụng các quy định của Bộ luật này để giải quyết tranh chấp.

[3] Các đương sự gồm bị đơn ông Lê Nguyên C, NLQ1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. NLQ2,

NLQ3 có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự này.

[4] Ông Lê Minh N sinh ngày 08/01/1942 chết ngày 22/11/2017. Cha mẹ đẻ của cụ Ngọc là cụ Lê Văn Ngọ chết năm 2004 và cụ Huỳnh Thị Tỵ chết năm 1999; bà Huỳnh Thị Sơn (vợ hợp pháp ông Ngọc) chết 11/11/2010, đều chết trước ông Ngọc. Sinh thời ông Ngọc, bà Sơn có 06 người con chung gồm: Lê Nguyên C, sinh năm 1972, Lê Thị Hoài H, sinh năm 1973, Lê Thị Hồng H, sinh năm 1976, Lê Minh Nguyên C, sinh năm 1978, Lê Thị Hoài T, sinh năm 1980, Lê Thị Hoài N, sinh năm 1982. Theo lời trình bày thống nhất của các đương sự, ông Ngọc còn có 01 người con riêng là NLQ3, sinh năm 1981. Ông Lê Minh N chết không để lại di chúc. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự, thì di sản của ông Lê Minh N được thừa kế theo pháp luật và các ông bà Lê Nguyên C, Lê Thị Hoài H, Lê Thị Hồng H, Lê Minh Nguyên C, Lê Thị Hoài T, Lê Thị Hoài N, Lê Thị Minh N đều thuộc hàng thừa kế thứ nhất, không thuộc trường hợp không được quyền hưởng di sản theo quy định tại Điều 621 Bộ luật Dân sự. Theo hồ sơ khởi kiện ban đầu, NLQ1 và NLQ2 có văn bản từ chối nhận di sản, nhưng trong quá trình giải quyết, ông bà đều có văn bản thay đổi việc từ chối nhận di sản, xin nhận giá trị kỷ phần và tặng cho lại kỷ phần cho các đồng thừa kế khác.

[5] Sau khi chết, ông Lê Minh N có để lại di sản là nhà và đất tại thửa số 351, tờ bản đồ số 68, diện tích 83,1 m^2 (trước đây là 100m2 nhưng Nhà nước thu hồi diện tích 16,9 m^2) tại địa chỉ đường N phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 077399; số vào sổ cấp GCN: CTs 101236 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/7/2016, đăng ký chỉnh lý biến động tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Ngũ Hành Sơn ngày 04/4/2017, Giấy phép xây dựng số: 794/GPXD do UBND quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/4/2017. Đối với phần diện tích đất thu hồi 16,9m^2 đã được Ban Giải phóng mặt bằng quận Ngũ Hành Sơn xác định giá trị đền bù theo hồ sơ số 81-1/BGPMB ngày 25/12/2018 Ban Giải phóng mặt bằng quận Ngũ Hành Sơn là 202.563.060 đồng. Số tiền này đã được các đồng thừa kế nhận và thống nhất phân chia, đã thực hiện xong việc phân chia. Các đồng thừa kế không tranh chấp trong vụ án này.

[6] Các đương sự đều thống nhất đây là tài sản riêng của ông Lê Minh N. Ông Ngọc chỉ có di sản này, ngoài ra không còn để lại di sản hay nghĩa vụ tài sản nào khác. Ông Lê Minh N có một người vợ hợp pháp là bà Huỳnh Thị Sơn đã chết ngày 11/11/2010. Như vậy, di sản nêu trên được hình thành sau khi hôn nhân đã chấm dứt, có cơ sở nhận định đây là tài sản riêng của ông Lê Minh N theo quy định tại Điều 33 và Điều 43 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[7] Theo Chứng thư thẩm định giá số 5190276A/CT - BTCVALUEĐN do Công ty Cổ phần Thẩm định giá BTCVALUE phát hành ngày 30 tháng 10 năm 2019, thì giá trị tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 351, tờ bản đồ số 68, diện tích 83,1 m^2, địa chỉ đường N phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng và công trình xây dựng trên đất (nhà ở và hiên nhà) là 3.517.033.389đ trong đó: giá trị quyền sử dụng đất là 2.729.668.389 đồng, nhà ở, tài sản gắn liền trên đất là 787.365.000 đồng.

[8] Đối với việc hình thành di sản, bị đơn ông Lê Nguyên C khai nhận ông có đóng góp phần xây dựng nhà ở là 300.000.000đ. Tuy nhiên, ông C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ xác thực, đồng thời không được các đương sự thừa nhận. Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để xem xét phần đóng góp này của ông Lê Nguyên C, theo quy định tại các Điều 91 và Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên, xét rằng ông C là người đang cư trú, hằng ngày hương hỏa cho cụ Lê Minh N và các cụ khác trong tộc họ, tại phiên tòa các đồng nguyên đơn thống nhất trích riêng cho ông C một phần bằng 5% giá trị di sản, tương đương: (5% x 3.517.033.389đ) = 175.852.000đ. Sau khi trích, giá trị di sản còn lại là: (3.517.033.389đ - 175.852.000đ) = 3.341.181.389đ, 07 đồng thừa kế được nhận một kỷ phần bằng nhau. HĐXX thấy ý kiến của các đồng nguyên đơn là phù hợp nên cần ghi nhận.

[9] Ông Lê Nguyên C yêu cầu không chia di sản mà toàn bộ di sản để thờ cúng, tuy nhiên yêu cầu của ông là không phù hợp với quy định tại Điều 645 Bộ luật Dân sự nên không được chấp nhận. Đối với yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của ông Lê Minh N thành 07 kỷ phần bằng nhau cho tất cả các đồng thừa kế là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận. Giá trị mỗi kỷ phần thừa kế sau khi chia thành 07 phần bằng nhau là (3.341.181.389 đồng : 7) = 477.311.627 đồng.

[10] Bà Lê Thị Hoài T, ông Lê Minh Nguyên C, NLQ3 yêu cầu nhận giá trị kỷ phần đồng thời tặng phần kỷ phần thừa kế mà mình được nhận cho bà Lê Thị Hồng H. Bà Lê Thị Hoài N yêu cầu nhận giá trị 02 kỷ phần gồm: kỷ phần

thừa kế của bà và kỷ phần thừa kế mà NLQ1 được nhận và tặng cho bà. Bà N tặng cho cả 2 kỷ phần được nhận này cho bà Lê Thị Hồng H. Như vậy, bà Lê Thị Hồng H được nhận 06 kỷ phần thừa kế, tương ứng với giá trị được nhận là: (477.311.627đ x 6) = 2.863.869.762 đồng. Bà Lê Thị Hồng H yêu cầu được nhận thừa kế bằng hiện vật là toàn bộ quyền sử dụng diện tích 83,1 m^2 và quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ đường N phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng. Xét yêu cầu của Lê Thị Hồng H là có cơ sở nên được chấp nhận. Lê Thị Hồng H phải có trách nhiệm thối trả phần giá trị kỷ phần mà ông Lê Nguyên C được nhận với số tiền là 477.311.627đ cộng với số tiền trích công sức quản lý di sản ông C được nhận riêng là 175.852.000đ, tổng cộng là 653.163.627đ. Bà Lê Thị Hồng H được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký chỉnh lý biến động theo quy định tại Điều 95 và 170 Luật Đất đai 2013.

[11] Về ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa là phù hợp với những phân tích, nhận định trên của HĐXX nên được chấp nhận.

[12] Về án phí sơ thẩm, theo quy định tại khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bà Lê Thị Hồng H phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với giá trị 06 kỷ phần mà bà được nhận là 2.863.869.762đ, cụ thể bằng là: [72.000.000 + (2% x 863.869.762đ)] = 89.277.395 đồng. Ông Lê Nguyên C phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản mà ông được nhận là: 653.163.627đ, cụ thể là: [20.000.000đ + (4% x 253.163.627)] = 30.126.545 đồng.

[13] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 và chi chí thẩm định giá là 12.000.000đ, tổng cộng 14.000.000đ, Lê Thị Hồng H phải chịu là 14.000.000 x 6/7 = 12.000.000 đồng; ông C phải chịu là 14.000.000 x1/7 = 2.000.000 đồng. Do Lê Thị Hồng H đã chi tạm ứng, nên ông C phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Lê Thị Hồng H số tiền 2.000.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

– 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, Điều 91, Điều 92, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

– Điều 621, Điều 645, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651 BLDS

– Điều 33 và Điều 43 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

– Điều 95, 167, 170 Luật Đất đai 2013.

– Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn gồm bà Lê Thị Hồng H, bà Lê Thị Hoài T, bà Lê Thị Hoài N đối với bị đơn là ông Lê Nguyên C.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế gồm: bà Lê Thị Hoài T, ông Lê Minh Nguyên C, NLQ3 nhận giá trị kỷ phần đồng thời tặng phần kỷ phần thừa kế mà mình được nhận cho bà Lê Thị Hồng H; bà Lê Thị Hoài N nhận giá trị 02 kỷ phần gồm: kỷ phần thừa kế của bà và kỷ phần thừa kế mà NLQ1 được nhận và tặng cho bà. Bà N tặng cho cả 2 kỷ phần được nhận này cho bà Lê Thị Hồng H. Tổng cộng bà Lê Thị Hồng H được nhận 06 kỷ phần thừa kế, tương ứng với giá trị được nhận là 2.863.869.762 đồng.

3. Chia và giao cho bà Lê Thị Hồng H thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng thửa số 351, tờ bản đồ số 68, diện tích 83,1m^2, tại địa chỉ đường N phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 077399; số vào sổ cấp GCN: CTs 101236 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/7/2016, đăng ký chỉnh lý biến động tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Ngũ Hành Sơn ngày 04/4/2017 và quyền sở hữu nhà ở 3 tầng diện tích xây dựng 173m^2, tài sản gắn liền với đất theo Giấy phép xây dựng số 794/GPXD do UBND quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/4/2017.

4. Bà Lê Thị Hồng H phải thối trả giá trị kỷ phần thừa kế cho ông Lê Nguyên C với số tiền là 653.163.627 đồng (*Sáu trăm năm mươi ba triệu, một trăm sáu mươi ba ngàn, sáu trăm hai mươi bảy đồng).*

5. Sau khi bà Lê Thị Hồng H giao đủ số tiền 653.163.627 đồng cho ông Lê Nguyên C, thì được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký chỉnh lý biến động đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với tài sản được chia thừ kế nêu trên.

6. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí thẩm định giá tổng cộng 14.000.000 đồng: Lê Thị Hồng H phải chịu là 12.000.000 đồng, ông C phải chịu là 2.000.000 đồng. Do Lê Thị Hồng H đã chi tạm ứng và chi xong, nên ông C phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Lê Thị Hồng H số tiền 2.000.000 đồng.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị Hồng H phải chịu số tiền là 89.277.395 đồng, khấu trừ với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 19.750.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 1827 ngày 11/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, còn lại phải nộp số tiền là: 69.527.395 đồng.

- Ông Lê Nguyên C phải chịu án phí sơ thẩm là 30.126.545 đồng.

- Hoàn trả cho bà Lê Thị Hoài N số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 19.750.000đ đã nộp theo biên lai thu số 1826 ngày 11/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

- Hoàn trả cho bà Lê Thị Hoài T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 19.750.000đ đã nộp theo biên lai thu số 1825 ngày 11/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

8. Án xử công khai, tuyên án có mặt các nguyên đơn, vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Những người có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Cục THADS Tp Đà Nẵng;
- Lưu HS, TKT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Hiếu